



22	GVR	100	0.25%
23	HAG	300	0.39%
24	HCM	200	0.44%
25	HDB	1,200	2.84%
26	HDG	100	0.26%
27	HHV	200	0.24%
28	HPG	2,000	4.40%
29	HSG	200	0.31%
30	KBC	200	0.54%
31	KDC	100	0.42%
32	KDH	300	0.86%
33	LPB	1,300	4.04%
34	MBB	2,000	4.31%
35	MSB	900	1.09%
36	MSN	400	2.60%
37	MWG	500	2.71%
38	NAB	700	0.85%
39	NKG	200	0.27%
40	NLG	100	0.35%
41	OCB	300	0.30%
42	PAN	100	0.26%
43	PCI	100	0.24%
44	PDR	200	0.40%
45	PLX	100	0.30%
46	PNJ	100	0.66%
47	POW	300	0.38%
48	PVD	100	0.18%
49	PVT	100	0.15%
50	REE	100	0.51%
51	SAB	100	0.37%
52	SHB	1,600	2.34%
53	SSB	700	1.12%
54	SSI	700	1.94%
55	STB	900	3.68%
56	TCB	1,800	5.29%
57	TCH	200	0.38%
58	TPB	700	1.09%
59	VCB	400	2.00%
60	VCG	200	0.43%
61	VCI	200	0.69%
62	VHM	600	4.37%
63	VIB	800	1.25%
64	VIC	700	6.41%

65	VIX	700	2.01%
66	VJC	100	1.10%
67	VND	500	0.94%
68	VNM	400	1.88%
69	VPB	2,100	5.21%
70	VRE	400	0.93%
II.	Tiền/Cash (VND)	56,173,557	4.35%
III.	Tổng/Total	1,290,468,557	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 1,234,295,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,290,468,557

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 56,173,557

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	27,050	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,800	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	100,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	63,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	27,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	70,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	85,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	37,950	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	20,150	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	32,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	24,300	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thúy Lan

